CHỦ NHÂN VĂN HÓA ĐÔNG SƠN

ĐẶNG VIỆT BÍCH

Từ khi Văn hóa Đông Sơn được phát hiện một cách ngẫu nhiên, bên bờ sông Mã năm 1924, đến nay cũng đã bảy thập kỷ trôi qua. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều nhà nghiên cứu người Pháp và Tây phương đều kinh ngạc trước sự hiện diện của Văn hóa đồng Đông Sơn. Nhưng họ lại quy cho nguồn gốc ngoại lai chủ nhân của nền văn hóa phát triển rực rỡ ấy. Nào là từ người Scythes, người Tokhara... ở mãi tận miền Hắc Hải xa xôi, hoặc Văn hóa Đông Sơn có nguồn gốc Hoài Hà.

Một vài học giả của Việt Nam như cụ Đào Duy Anh, trong một loạt công trình công bố từ 1955 - 1957 cũng cho rằng văn hóa Đông Sơn có nguồn gốc Mân Việt (Phúc Kiến), người Lạc Việt là chủ nhân đích thực văn hóa Đông Sơn, nhưng một số bộ lạc nào đó trong nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn (Mân Việt - Phúc Kiến) di cư bằng thuyền sang vùng Sông Hồng, sông Mã và chính họ làm thành khái niệm người Lạc Việt. Khi ấy tư liệu do khảo cổ học cung cấp chưa nhiều.

Mấy chục năm qua, suốt từ 1959 khi di chỉ Phùng Nguyên được phát hiện đến nay, thành tựu đã gặt hái được của ngành khảo cổ học nước ta rất to lớn. Chúng ta có cả một khối lượng hiện vật rất phong phú, đa dạng, khai quật được. Chúng ta đã phát hiện thêm nhiều trống Đồng. Bên cạnh đó còn thạp đồng, lưỡi cày đồng, dao găm đồng, lưỡi giáo đồng, qua đồng, lưỡi câu đồng, mũi tên đồng, đèn đồng... nghĩa là một thế giới văn minh đồ đồng.

Ngày nay, khảo cổ học Việt Nam đã tiến tới chỗ khẳng định được rằng ở cả ba lưu vực sông Lam, sông Mã và sông Hồng, những cái nôi của dân tộc Việt, đã tồn tại các nền văn hóa khảo cổ tiếp nhau, phát triển liên tục, đều đặn, từ thấp lên cao, trước Đông Sơn.

Tại lưu vực sông Hồng là Phùng Nguyên (- 2000 → - 1500), Đồng Đậu (- 1500 → - 1100), Gò Mun (- 1100 → - 700). Tại Sông Mã là các văn hóa Cồn Chân Tiên, Bái Mao, Qùy Chử tương đương niên đại với các văn hóa khu vực Sông Hồng. Ở sông Lam mới phát hiện được hai văn hóa Đền Đồi và Rú Trăn tương ứng với các giai đoạn Phùng Nguyên và Gò Mun, còn giai đoạn giữa chưa phát triển được (1). Các nhà khoa học nước ta nói chung đều thống nhất cho rằng *nguồn gốc bản địa* của Văn hóa Đông Sơn. Đông Sơn không phải là một cái gì từ bên ngoài tới mà là hệ qủa của sự phát triển liên tục văn hóa từ thấp lên cao của các lưu vực sông Hồng, Sông Mã và Sông Lam. *Đông Sơn là tập đại thành của sự phát triển ấy.*

Một số người cho rằng đã tồn tại trong thực tế hai *Liên minh bộ lạc lớn*, một ở Sông Mã, một ở Sông Hồng, họ là chủ nhân của các văn hóa ở lưu vực hai dòng sông này ngay trong thời đại Đông Sơn. Những ý kiến như thế của các tác giả Nguyễn Đổng Chi, Hoàng Xuân Chinh và Nguyễn Mạnh Lợi người ta có thể tìm đọc trong bốn tập kỷ yếu Hội thảo khoa học *Hùng Vương dựng nước* (1970 - 72). Riêng Nguyễn Đổng Chi còn quan niệm rằng Liên minh bộ lạc vùng Sông Hồng có một cái tên là Keo, trong khi mà Liên minh bộ lạc sông Mã có một cái tên là Đuôn, Duôn hay De, Ye.

Ngày nay ở thời điểm ba mươi lăm năm phát hiện Văn hóa Phùng Nguyên bên bờ sông Thao, không xa Đền Hùng (1959) và thời điểm chẵn bẩy thập niên tìm ra văn hóa Đông Sơn. Chúng ta hoàn toàn có thể tiến đến *một quan niệm mới về sự phát triển liên tục của các nền văn hóa sông Hồng, sông Mã và cả sông Lam nữa.* Khi phỏng đoán Liên minh bộ lạc sông Hồng mang tên Keo và Liên minh bộ lạc sông Mã có tên Đuôn, Duôn, De, Ye, Yôn..., Nguyễn Đổng Chi cũng không khẳng định họ có nguồn gốc tộc người ra sao? Hai liên minh ấy thuộc về giống người nào? Trước

(1) Theo Hà Văn Tấn trong sách Lịch sử Tư tưởng Việt Nam (tập I), Nxb KHXH, HN, 1993, tr. 49

đây học giả Pháp H.Maspéro cho rằng: "Ngôn ngữ tiền Việt xuất hiện do kết qủa của sự hỗn hợp của một thổ ngữ Môn-Khmer, một thổ ngữ Thái và có thể cả một thổ ngữ thứ ba mà hiện nay chưa biết được" ...(B.E.F.E.O, 1912) (2). Kết hợp ý kiến của H.Maspéro và các ý kiến của các nhà nghiên cứu trong nước, chúng ta hoàn toàn có thể tiến tới một quan niệm tương đối hoàn chỉnh về nguồn gốc tộc người của người Lạc Việt, chủ nhân văn hóa đồng thau rực rỡ Đông Sơn.

Trước Công Nguyên khoảng 2.000 năm, nghĩa là cách ta ngày nay khoảng 4.000 năm, bên bờ sông Thao, trong khu vực Phong Châu, địa bàn Văn hóa Phùng Nguyên từng tồn tại một nhóm người có nguồn gốc Thái tộc. Khi ấy biển vào tận vùng Hạc Trì. Nhóm này chỉ cần lĩnh một dải đất từ Phong Châu về Hà Bắc (ngày nay) và phía trên, chạy dọc theo mé tả ngạn sông Thao. Nhóm Thái này có thủ lĩnh là Hùng Vương. Hùng là một cái tên Hán hóa của thủ lĩnh Thái tộc là Khun (Khun Lủ), Khún (Khún Lò, Khún Chương, Khún Bolom) hoặc Pò Khun. Các tác giả tập *Lịch sử Việt Nam* tập I (giáo trình Đại học tổng hợp, NXB ĐH và THCN, 1985) cho rằng Hùng còn có thể xuất phát từ tên Khunzt, Hun...

Khi phát hiện thấy ở Vĩnh Phú có nhiều làng có dịa danh là *Viềng*, quanh đền Hùng ở xã Hy Cương có nhiều địa danh mang tên *Na*, ở Cổ Loa có xóm *Viềng*..., nhiều người cho rằng nguồn gốc Thục Phán là người Tầy cổ (tức Thái Tộc) vốn ở nước Nam Cương Cao Bằng theo truyện thơ "*Cẩu Chủa Cheng Vùa*" *(Chín chúa tranh Vua)* tác giả là Lê Sơn, sáng tác 1950 bằng tiếng Tày. Song thực ra không phải vậy! Những địa danh gốc Thái-Tầy như thế chỉ nói lên một điều khu vực từ Phong Châu, qua Cổ Loa về Hà Bắc xưa kia thời Phùng Nguyên cách ta 4000 năm thuộc về một nhóm Thái tộc trong khi Thục Phán chỉ có niên đại TK III trước CN. Rất có thể đây là một nhóm Thái trắng hay Tày cổ. Cầm Trọng cho rằng người Tầy thuộc về một nhóm Thái Trắng (Táy Khao) trong khi đó Nùng lại có gốc Thái Đen (Táy Đăm) (3).

Ta hãy hình dung nhóm Thái Trắng - Tày cổ của Hùng Vương là một nhóm rất mạnh, họ có văn hóa rất phát triển chiếm cứ miền đất của sông Thao, sông Lô làm chủ duyên hải từ Phong Châu về Hà Bắc. Họ tiến bộ hơn những đồng tộc Thái Trắng hay Thái Đen khác của họ ở Việt Bắc, Quảng Tây, Vân Nam... rất nhiều. Họ làm chủ nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, đã chăn nuôi gia cầm (gà, vịt), gia súc (bò, dê, lợn, trâu...). Đồ gốm đã phát triển ở họ từ giai đoạn Phùng Nguyên. Họ cũng đã biết tới đồ đồng sớm.

Trong khi đó ở quanh núi Ba Vì, hạ lưu sông Đà, vùng Sông Mã và cả sông Lam nữa hiện diện *một nhóm người có nguồn gốc Môn-Khmer, thờ Thần Núi, cụ thể thần núi Ba Vì (Tức Tản Viên Sơn Thánh)*. Nhóm này đã phát triển một nền văn hóa "*trồng củ*", ở hạ du và trung lưu sông Mã, hạ lưu sông Lam, cũng đã biết trồng Lúa, đã biết tới đồ gốm và đồ đồng sơ kỳ. Đây cũng là một nhóm khác phát triển trong số đó. Họ búi tó và đi chân đất. Như vậy cách quan niệm này có khác với cách quan niệm của ba tác giả Nguyễn Đổng Chi, Nguyễn Mạnh Lợi và Hoàng Xuân Chinh chút ít ở chỗ địa bàn của Liên minh bộ lạc vùng sông Mã (và cả sông Lam) được mở rộng ra *hạ lưu sông Đà và vùng quanh núi Tản Viên*.

Nhưng quan niệm này còn khác quan niệm của ba tác giả nêu trên ở chỗ sự tồn tại của hai liên minh bộ lạc lớn này chỉ trong hai giai đoạn phát triển riêng rẽ của từng lưu vực sông Hồng và Sông Mã. Đến Đông Sơn sự hiện diện bị triệt tiêu, thay thế vào đó là *một liên minh bộ lạc duy nhất vô cùng mạnh do Hùng Vương làm thủ lĩnh*. Chính liên minh bộ lạc này làm thành khái niệm Lạc Việt, và là chủ nhân đích thực của Văn hóa đồng thau Đông Sơn. Còn Qùy Chử và Gò Mun là giai đoạn hai bên lưỡng hợp.

Sự hỗn hợp giữa liên minh của Hùng Vương có cội nguồn Thái Trắng - Tầy cổ liên minh do Sơn Tinh cầm đầu cội nguồn Môn - Khơ-me được phản ánh một cách nghệ thuật hóa, qua câu chuyện thần thoại quen thuộc và tuyệt diệu Sơn Tinh - Thủy Tinh.

Có thể giả thiết rằng hai liên minh bộ lạc của Hùng Vương và Sơn Tinh vẫn sống bên

---

(2) Dẫn theo Vương Hoàng Tuyên: *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1963, tr. 175.

(3) Cầm Trọng: *Từ những tên gọi của từng dân tộc trong cộng đồng ngôn ngữ Tầy - Thái chúng ta có thể nghiên cứu gì về nguồn gốc của họ?* (Tạp chí *Dân tộc học*, số 4-1992, tr. 14-20).

nhau nhưng không đi tới một sự thống nhất trong các thời kỳ Phùng Nguyên, Đồng Đậu. Họ chỉ hợp nhất với nhau vào giai đoạn Gò Mun (- 1100 → - 700), khi mà cả hai đứng trước một sự xâm lăng ồ ạt của một lực lượng thứ ba có nguồn gốc Nam Đảo (Malayo - Polynésien) từ biển kéo tới. Người Nam Đảo không chỉ tiến công vịnh Bắc Bộ mà còn tràn lên chiếm cứ suốt rẻo miền Trung từ Hải Vân về Phan Rang. Họ đã tràn lên tận Tây Nguyên. Họ chiếm cứ cả từ Bắc Hải Vân đến sông Gianh.

Người Nam Á (Môn - Khơ-me) sinh sống trong những khu vực này đã không kháng cự nổi những đợt tiến công ào ạt, mãnh liệt của người Nam Đảo. Trong khi đó người Nam Đảo tiến công vào vịnh Bắc Bộ, lên đất liền ở lãnh thổ Hùng Vương và Sơn Tinh nhưng thất bại. Sự thất bại của nhóm Nam Đảo và sự hợp nhất hai nhóm Thái Trắng và Nam Á (Môn-Khơme) thành *một tộc người duy nhất* được truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh phản ánh.

My Nương là công chúa của vua Hùng. Hùng Vương là thủ lĩnh tộc người, thủ lĩnh quân sự, thủ lĩnh thế tục. Đồng thời ông ta là thủ lĩnh tôn giáo của Bộ Văn Lang. Trong tác phẩm sử học "*Việt sử cương mục tổng tiết*" sử gia nổi tiếng Đặng Xuân Bảng (1827 - 1910) cho rằng sở dĩ có tên Bộ Văn Lang vì nhóm này sinh tụ bên con sông Văn Lang, tức sông Thao.

Bộ Văn Lang phát triển một nền nông nghiệp lúa nước và trồng trọt. Dù có nguồn gốc Thái Trắng cổ theo phụ hệ, thờ chim (gà trắng) nhưng vì là cư dân nông nghiệp nên ở họ đã phát triển tín ngưỡng thờ *các nữ thần nghề nông, trồng dâu nuôi tằm* cùng tín ngưỡng thờ Trời, Đất, Nước, Mây, Mưa...

Trên thực tế có thể có một nàng công chúa của Hùng Vương tên là My Nương. Cũng có thể My Nương chỉ là *một danh từ chung* chỉ khái niệm ái nữ Vua Hùng như thư tịch Hán cho biết Hùng Vương có con trai gọi là *quan lang* con gái gọi là *My Nương*. Truyền thuyết vùng Ba Vì kể My Nương có tên riêng là Ngọc Hoa. Ngọc Hoa là một cái tên của thời trung thế kỷ, dù sao điều này nói rằng My Nương còn có một tên riêng. Dẫu sao truyền thuyết My Nương có bố là Hùng Vương ám chỉ một hiện thực: Trong Bộ Văn Lang Hùng Vương là thủ lĩnh tối thượng có tín ngưỡng thờ một loạt nữ thần Nông nghiệp mà My Nương (Mé Noọng, Mễ Nàng) là *Nữ thần Lúa* đứng đầu.

Truyền thuyết Sơn thần chiến thắng thủy quái đương nhiên bao hàm ý nghĩa người Việt cổ chiến thắng thiên tai, lũ lụt. Nhưng đó chỉ là *nội dung bề mặt*. Còn nội dung chìm, hàm ý sâu xa chứa đựng trong truyền thuyết này chính là: Nhóm người thờ Nữ thần nhà Nông - Nữ thần Lúa (My Nương) ở Phong Châu có gốc Tây - Thái trắng đã hỗn hợp với nhóm cư dân thờ Thần Núi Ba Vì có gốc Môn - Khơ-me và khước từ sự hỗn hợp với nhóm có gốc Malayo - Polynesien thờ thần Biển.

Nhưng nhóm người là hệ qủa của sự hợp nhất Sơn Tinh một bên và Hùng Vương - My Nương một bên là ai vậy? Đó chính là người Mường cổ, chính họ làm nên khái niệm Lạc Việt. Một khi nắm trong tay đất đai rộng lớn do sự sáp nhập lãnh thổ của hai bên, *có sự nhảy vọt về chất trong thể chất, trong đời sống văn hóa tâm linh, tinh thần*, tiếp thu cả những ưu điểm, tính trội của hai bên Bố và mẹ ở người Mường cổ trở nên năng động hơn bao giờ hết. Chính họ đã sáng tạo ra văn hóa đồng thau Đông Sơn.

Trịnh Sinh có lý khi cho rằng Hùng Vương nắm được bí quyết chế tạo Trống Đồng, sáng chế ra cách pha chì vào hợp kim đồng thau (đồng - thiếc) thành hợp kim đồng - thiếc - chì (4) và bí quyết này được "*Việt sử lược*" coi là *ảo thuật. Tất nhiên cái gọi là ảo thuật không phải chỉ có bí quyết* chế tác trống Đồng mà còn có vấn đề tín ngưỡng tâm linh, tôn giáo. Hùng Vương có thể là một thầy mo, chính ông ta hay dòng họ ông ta tham gia sáng tác các bản mo, các sử thi thần thoại làm mê hoặc thần dân.

Sự xuất hiện văn hóa Đông Sơn tức là khi mà người Mường cổ đã được định hình, khẳng định bản lĩnh, bản sắc tộc người riêng của họ. Còn thời kỳ Gò Mun vào Qùy Chử là quãng thời gian có thể đoán định là hai bên hòa nhập. Cũng cần ít nhất một thế kỷ (4 đến 5 thế hệ) để hình thành ra được tộc người mới. Nhưng để đạt tới một sự nhảy vọt về chất như Văn hóa Đông Sơn cần phải nhiều thời gian.

---

(4) Trịnh Sinh: *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2/1989, tr. 43 - 49.

Chủ nhân văn hóa đồng Đông Sơn là người Mường cổ, hoặc có thể gọi là Lạc Việt. Họ có lãnh thổ rộng lớn, đạt tới văn minh đồng cực kỳ cao, đạt trình độ tổ chức nhà nước sơ kỳ, có quân đội hùng mạnh, do Hùng Vương làm thủ lĩnh tối cao. Uy danh của văn hóa Đông Sơn và Hùng Vương vang xa ra ngoài lãnh thổ sông Mã, sông Lam và sông Hồng. Họ cũng đã sáng tạo ra các sử thi thần thoại lớn. Họ cũng đạt tới trình độ *đồ sắt tảo kỳ*.

Thời điểm bẩy mươi năm tìm ra Đông Sơn, chúng ta có thể nói đã khẳng định được chủ nhân của văn minh Đông Sơn, đó chính là người Mường cổ tức Lạc Việt. Nhóm thứ ba chưa biết mà H.Maspéro nhắc tới chính là người Malayo - Polynésien đi biển, đánh cá, được ký hiệu hóa là Thủy Tinh. Nhóm Hùng Vương - My Nương tuy khước từ sự hòa nhập với nhóm Nam Đảo (Thủy Tinh) để hòa hợp với nhóm Sơn Tinh nhưng việc tiếp thu ảnh hưởng một phần tiếng nói, văn hóa, tín ngưỡng và cả dòng máu nữa là điều không khó hiểu.

Một điểm nữa cần nói rõ là Hùng Vương có hai thời kỳ. Thời kỳ Bộ Văn Lang ở Phong Châu là Hùng Vương I, Hùng Vương của người Thái trắng - Tây cổ. Còn Hùng Vương của Đông Sơn - Lạc Việt là Hùng Vương II, Hùng Vương "*quốc trưởng*" nhà nước sơ kỳ Văn Lang, lãnh thổ có thể từ Bắc sông Gianh qua sông Lam, sông Mã, hạ lưu sông Đà, sông Thao, lên tới tận Lào Kay.

Hùng Vương II là *dị nhân dùng ảo thuật ép phục các bộ lạc khác mà "Việt sử lược"* nói tới, bảo đời Chu Trung Vương (- 696 ÷ - 682) ở Vũ Ninh có dị nhân là Hùng Vương. Sự xuất hiện của một dị nhân như thế tương ứng với sự bắt đầu của văn hóa Đông Sơn.

Văn hóa Đông Sơn có tính thống nhất cao trên toàn lãnh thổ quốc gia Văn Lang. Sự khác nhau chút ít giữa khu vực sông Hồng và sông Mã trong văn hóa Đông Sơn là có thực. Nhưng điều này không nói lên rằng đã tồn tại hai liên minh bộ lạc lớn ở hai khu vực này mà chỉ có nghĩa cư dân Lạc Việt (tức Mường cổ) ở sông Mã, hạ lưu sông Đà và vùng sông Lam hơi khác một chút so với đồng tộc của họ ở sông Hồng.

Chính sự phát hiện chủ nhân Đông Sơn là thành tựu chào mừng lễ kỷ niệm trọng thể lần thứ bẩy mươi tìm ra trống Đồng Đông Sơn. Điều này càng khẳng định niềm tự hào chính đáng của dân tộc ta. Nó chứng tỏ Hùng Vương với niên đại cách ta 4000 năm là hoàn toàn có thật, không phải là chuyện bịa cho vui.

Hùng Vương là cả một thời đại lịch sử, dù rằng 18 đời là điều còn phải bàn. Phả hệ Hùng Vương với 18 đời vua có niên hiệu đàng hoàng chỉ xuất hiện từ thời Lê Thánh Tông, nửa sau thế kỷ XV. Lúc này triều Lê ở đoạn cực thịnh, làm sống lại tục thờ tổ tiên của cả nước, cả dân tộc: Hùng Vương, thế cho sự thờ Sơn Tinh từ đời Lý tại khu vực Hy Cương. Phả hệ ấy không chắc phản ánh sự thật lịch sử. Nhưng 18 đời cũng là ký ức của dân ta về một thời đại Hùng Vương từ năm 2000 đến thế kỷ III trước Công lịch.
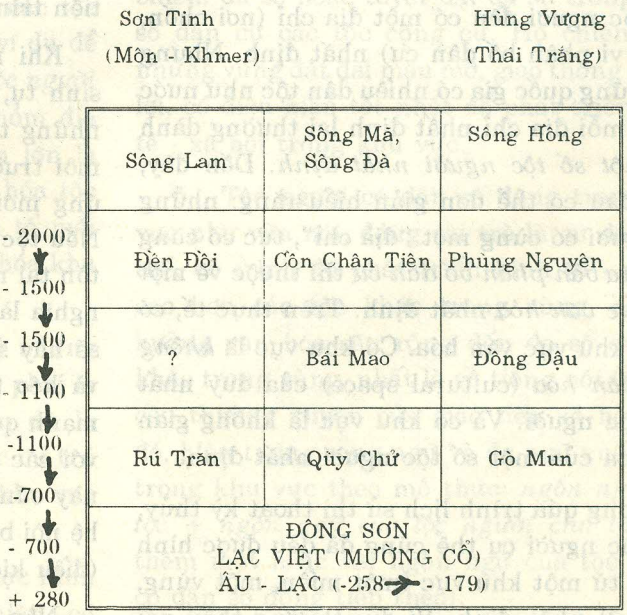
Sơ đồ dưới đây phản ánh một quan niệm về qúa trình hình thành văn hóa Đông Sơn cùng sự tham gia của các tộc người (chủ yếu) khác nhau vào qúa trình này. Mong được sự đóng góp của đông đảo bạn đọc xa gần.